

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 11 - 2023.

V/v ly hôn giữa chị M và anh N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Ích.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Chạc

2. Bà Dương Thị Vui

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị M năm 1990, địa chỉ: Xóm G, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Anh Vũ Đức N năm 1969; địa chỉ: Đ, thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị M, vắng mặt anh N(anh N2 đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị M2 thể hiện: Chị và anh Vũ Đức N3 đăng ký kết hôn vào ngày 26/01/2010 đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N5, huyện N, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp tính cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Đức N3. Về con chung giữa chị và anh N

có 01 (một) con chung là cháu Vũ Thị Hồng N4, sinh ngày 20/10/2010. Hiện nay cháu đang ở với mẹ. Sau khi ly hôn chị Trần Thị M2 đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N4 và không yêu cầu anh Vũ Đức N3 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Vũ Đức N3 nộp bản tự khai thể hiện về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với những điều chị M đã trình bày tại Tòa án. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng tính cách. Nay chị M có đơn xin ly hôn với anh thì anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh nhất trí để chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Hồng N4, sinh ngày 20/10/2010 và anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập chứng cứ, tài liệu xây dựng hồ sơ cũng như diễn biến phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị M2 và anh Vũ Đức N3. Giao con chung là cháu Vũ Thị Hồng N4, sinh ngày 20/10/2010 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đề nghị tuyên án phí với chị M theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Vũ Đức N3 đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Chị Trần Thị M2 có đơn xin ly hôn anh Vũ Đức N3 và Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa anh N vắng mặt nhưng anh N đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Trần Thị M2 và anh Vũ Đức N3 vào ngày ngày 26/01/2010 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N5 là hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết vợ chồng được ly hôn. Anh N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng nhất trí ly hôn. Vì vậy việc ly hôn giữa chị M và anh N là thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: chị Trần Thị M2 và anh Vũ Đức N3 có một con chung là cháu Vũ Thị Hồng N4, sinh ngày 20/10/2010. Hiện nay chị M đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1 tại xã N. Xét thấy từ sau khi anh N, chị M sống ly thân thì việc nuôi dưỡng con chung của chị M đảm bảo sự phát triển tốt cho cháu N4. Bản thân cháu N1 cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Xét nguyện vọng của chị M đề nghị được nuôi con chung là cháu Vũ Thị H N1 và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị M2 và anh Vũ Đức N3 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị M2 phải nộp án phí dân dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị M2 và anh Vũ Đức N3.

[2] Về con chung: Giao cho chị Trần Thị M2 trực tiếp nuôi dưỡng Vũ Thị Hồng N4, sinh ngày 20/10/2010 (hiện nay cháu N4 đang do chị M chăm sóc nuôi dưỡng). Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị M2 phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai số 0001255 ngày 08/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, chị M đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nghĩa Hưng;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hưng;
- UBND xã N;
- UBND xã N;
- Lưu án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Trần Trọng Ích